



# CÁC THAY ĐỔI CHÍNH VỀ HỌC VỤ TỪ HK192

PĐT – 16/12/2019 (updated)

# 1. Xếp năm đào tạo cho SV

- ▶ SV năm thứ nhất: dưới 28 tín chỉ
- ▶ SV năm thứ hai: từ 28 đến dưới 56 tín chỉ
- ▶ SV năm thứ ba: từ 56 đến dưới 80 tín chỉ
- ▶ SV năm thứ tư: từ 80 đến dưới 128 tín chỉ
- ▶ SV năm thứ năm (đối với các CTĐT trên bốn năm): từ 108 tín chỉ

## 2. Đào tạo song ngành theo hướng bằng thứ hai

- ▶ SV đăng ký học và tích lũy các môn học của ngành thứ nhất và các môn học của các ngành thứ hai (trừ học phần tốt nghiệp).
- ▶ Thời gian đào tạo tối đa: thời gian đào tạo tối đa của ngành thứ nhất.
- ▶ Điều kiện:
  - ▶ Được sự đồng ý của Trưởng Khoa quản lý ngành thứ hai
  - ▶ Cùng khối thi tuyển sinh, cùng bậc, hệ đào tạo với ngành thứ nhất.
  - ▶ Chỉ đăng ký học phần tốt nghiệp của ngành thứ hai sau khi đã hoàn thành học phần tốt nghiệp của ngành thứ nhất; hoặc học phần tốt nghiệp dạng song ngành (nếu có)
- ▶ Khi đủ điều kiện tốt nghiệp của cả hai ngành, SV đăng ký tốt nghiệp cả hai ngành và được xét cấp hai bằng cùng lúc.

### 3. Đào tạo song ngành theo hướng ngành phụ

- ▶ SV được đăng ký học và tích lũy các môn học của ngành thứ nhất và các môn học của các ngành thứ hai.
- ▶ Không được phép đăng ký học phần tốt nghiệp của ngành thứ hai.
- ▶ Thời gian đào tạo tối đa = thời gian đào tạo tối đa của ngành thứ nhất.
- ▶ Khi đủ điều kiện tốt nghiệp ngành thứ nhất, đồng thời hoàn thành đủ điều kiện tốt nghiệp ngành phụ, SV đăng ký tốt nghiệp ngành thứ nhất và ngành phụ và được xét cấp bằng cho ngành thứ nhất. Thông tin tốt nghiệp ngành phụ được nêu rõ trong bảng điểm, phụ lục bằng tốt nghiệp nhưng không được cấp thành một văn bằng riêng.

## 4. Đào tạo bằng 2 sau khi tốt nghiệp bằng 1

- ▶ SV đã có bằng đại học chính quy được tham dự tuyển sinh đại học chính quy bằng hai. Riêng SV của trường ĐHBK được xét tuyển thẳng.
- ▶ Lớp bằng thứ hai có thể được tổ chức riêng ngoài giờ nếu đủ sĩ số và theo nhu cầu của người học hoặc học chung với các lớp chính quy ban ngày.
- ▶ Các môn học có trong CTĐT bằng thứ hai mà SV đã tích lũy được xét miễn học.
- ▶ Khi đủ điều kiện tốt nghiệp ngành thứ hai, SV đăng ký tốt nghiệp và được xét cấp bằng.

## 5. Phân ngành

- ▶ SV trúng tuyển vào nhóm ngành sẽ được phân ngành từ năm thứ hai (cuối năm thứ nhất) theo kế hoạch của từng Khoa.
- ▶ SV có thể được chuyển ngành trong cùng nhóm ngành tuyển sinh sau khi đã được phân ngành nếu có lý do chính đáng và được sự đồng ý của Trưởng Khoa.
- ▶ Khoa chuyển thông tin về phân ngành cho PĐT ngay sau khi phân ngành để làm căn cứ xét cho SV đăng ký môn học, tổ chức lớp học và xét tốt nghiệp.

## 6. Phân chuyên ngành

- ▶ Trường không phân chuyên ngành cho SV, ngoại trừ các chuyên ngành được tuyển sinh riêng.
- ▶ Trong quá trình học, SV có thể tích lũy các tín chỉ chuyên ngành của ngành và được tự do lựa chọn chuyên ngành để tích lũy tín chỉ.
- ▶ Khi đủ điều kiện tốt nghiệp của ngành đang học, đồng thời thoả điều kiện tốt nghiệp của một hoặc vài chuyên ngành, SV có thể đăng ký tốt nghiệp ngành và các chuyên ngành này và được cấp bằng của ngành. Thông tin tốt nghiệp các chuyên ngành được nêu rõ trong bảng điểm, phụ lục bằng tốt nghiệp. Trường hợp SV đủ điều kiện tốt nghiệp của ngành, nhưng không thoả mãn điều kiện tốt nghiệp của chuyên ngành nào, chỉ được cấp bằng của ngành và không ghi các thông tin chuyên ngành trong bảng điểm, phụ lục bằng.
- ▶ Các Khoa có thể phân lớp sinh hoạt cho SV theo chuyên ngành để phân công các giảng viên chuyên ngành phù hợp làm Giáo viên chủ nhiệm để quản lý lớp, tư vấn, hướng nghiệp cho SV.

# 7. Chuẩn tiếng Anh K2019 (nhắc lại)

► K2019:

Bậc, hệ đào tạo	Chuẩn tiếng Anh sau năm 1	Chuẩn tiếng Anh sau năm 2	Chuẩn tiếng Anh sau năm 3	Chuẩn tiếng Anh nhận LVTN	Chuẩn tiếng Anh nhận TNghiep
<b>Đại học chính quy (CT đại trà)</b>	350 hoặc đạt môn AV 1	450 hoặc đạt môn AV 3	550 hoặc đạt môn AV 4	<b>Chứng chỉ TOEIC 550</b>	<b>Chứng chỉ TOEIC 550</b> <b>Chứng chỉ TOEIC Nói-Viết 200</b>
<b>Đại học chính quy (CT tài năng)</b>	350 hoặc đạt môn AV 1	500 hoặc đạt môn AV 4	650 hoặc đạt môn AV 4 từ 8.0 điểm	<b>Chứng chỉ TOEIC 650</b>	<b>Chứng chỉ TOEIC 650</b> <b>Chứng chỉ TOEIC Nói-Viết 245</b>
<b>Đại học VLVH, ĐTTXa</b>	-	<b>350</b> hoặc đạt môn <b>AV350</b>	<b>500</b> hoặc đạt môn <b>AV500</b>	<b>500</b> hoặc đạt môn <b>AV500</b>	<b>500</b> hoặc đạt môn <b>AV500</b>



# 8. Chuẩn tiếng Anh K2020

► K2020:

Bậc, hệ đào tạo	Chuẩn tiếng Anh sau năm 1	Chuẩn tiếng Anh sau năm 2	Chuẩn tiếng Anh sau năm 3	Chuẩn tiếng Anh nhận LVTN	Chuẩn tiếng Anh nhận TNghiep
Đại học chính quy (CT đại trà)	<del>350</del> <b>450</b> hoặc đạt môn AV 1	<del>450</del> <b>550</b> hoặc đạt môn AV 3	<b>600</b> hoặc đạt môn AV 4	<b>Chứng chỉ TOEIC 600</b>	<b>Chứng chỉ TOEIC 600</b> <b>Chứng chỉ TOEIC Nói-Viết 200</b>
Đại học chính quy (CT tài năng)	<del>350</del> <b>450</b> hoặc đạt môn AV 1	<del>500</del> <b>600</b> hoặc đạt môn AV 4	<b>700</b> hoặc đạt môn AV 4 từ 8.0 điểm	<b>Chứng chỉ TOEIC 700</b>	<b>Chứng chỉ TOEIC 700</b> <b>Chứng chỉ TOEIC Nói-Viết 245</b>
Đại học VLVH, ĐTTXa	-	<b>500</b> hoặc đạt môn AV500	<b>600</b> hoặc đạt môn AV600	<b>600</b>	<b>600</b>

# 9. Bảng quy đổi điểm Anh Văn từ HK1/2020-2021

TOIEC (Listening & Reading)	Từ HK192 về trước				Từ HK201 về sau			
	Anh văn 1	Anh văn 2	Anh văn 3	Anh văn 4	Anh văn 1	Anh văn 2	Anh văn 3	Anh văn 4
350	5.0							
400	7.5	5.0						
<b>450</b>	10	7.5	5.0		<b>5.0</b>			
<b>500</b>	10	10	7.5	5.0	<b>7.5</b>	<b>5.0</b>		
<b>550</b>	10	10	8.5	6.0	<b>10</b>	<b>7.5</b>	<b>5.0</b>	
<b>600</b>	10	10	9.5	7.0	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>7.5</b>	<b>5.0</b>
650	10	10	10	9.0	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>9.5</b>	<b>7.0</b>
700	10	10	10	10	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>8.5</b>
<b>750</b>	10	10	10	10	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>10</b>

# 10. Chuẩn kỹ năng ứng dụng CNTT

- ▶ Từ K2019
  - ▶ Đại trà: ứng dụng CNTT cơ bản hoặc IC3 hoặc MOS (*ít nhất 2 phần trong Word, Excel, PowerPoint, ...*)
  - ▶ CLC, TT: ứng dụng CNTT nâng cao hoặc IC3 hoặc MOS (*ít nhất 2 phần trong Word, Excel, PowerPoint, ...*)
- ▶ Miễn phí 1 lần CNTT cơ bản cho SV năm 1 vào đầu HK2 năm nhất
  - ▶ Không cấp chứng chỉ, chỉ xét Đạt
- ▶ CLC, TT: miễn phí thêm 1 lần CNTT nâng cao vào cuối năm 3
  - ▶ Không cấp chứng chỉ, chỉ xét Đạt
- ▶ SV cần chứng chỉ thì nộp lệ phí dự thi chứng chỉ bình thường (không miễn)
  - ▶ Khuyến khích SV có chứng chỉ hoặc chứng chỉ quốc tế (CLC, TT)